TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/DS-ST
Ngày : 12/6/2019
V/v tranh chấp *"Hợp đồng dân sự vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ký
2. Ông Đinh Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nay Y Sưa, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên

Ngày 12 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp *"Hợp đồng dân sự vay tài sản"*

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Nh, sinh năm: 1968

Trú tại: thôn Ngân Đ, xã Sơn H, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Á, sinh năm: 1958

Trú tại: thôn Suối C, xã Sơn H, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 18/4/2019 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Nh trình bày: Thời gian từ năm 2013 – 2014, bà Á đã vay tiền, vàng của tôi nhiều lần. Đến ngày 23/7/2014 *(âm lịch)* thì các bên chốt tiền vay,

riêng vay vàng thì cũng quy đổi thành tiền. Theo đó đến ngày 23/7/2014 *(âm lịch),* bà Á còn nợ tôi 142.000.000 đồng *(Trong đó: Tiền gốc 121.000.000đ; tiền lãi 21.000.000đ).* Kể từ sau ngày chốt nợ, bà Á đã trả cho tôi 9.500.000 đồng và đến năm 2017 thì không trả nợ mặc dù tôi đã nhiều lần đòi nợ. Nay tôi yêu cầu bị đơn bà Á trả cho tôi số tiền 132.500.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Á trình bày: Tôi công nhận vào ngày 23/7/2014 *(âm lịch)*, tôi có ký giấy mượn tiền và chữ ký tại mục người mượn đích thực là chữ ký của tôi. Tôi xác nhận tại thời điểm ngày 23/7/2014 âm lịch còn nợ bà Nh số tiền 142.000.000 đồng là đúng nhưng trong đó có 60.000.000 đồng là tiền gốc và tiền lãi 82.000.000 đồng *(lãi suất là 12%/tháng)*. Kể từ sau khi chốt nợ, tôi đã trả bà Nh nhiều lần, mỗi lần trả tôi đều tự ghi vào sổ để theo dõi. Tổng số tiền đã trả 69.500.000 đồng. Nay bà Nh khởi kiện yêu cầu tôi trả số tiền 142.000.000 đồng thì tôi không đồng ý, yêu cầu bà Nh trừ số tiền mà tôi đã trả 69.500.000 đồng còn lại bao nhiêu thì tôi sẽ trả dần.

Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Nh rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn bà Á trả đủ một lần số tiền gốc 111.500.000 đồng *(121.000.000 – 9.500.000 đồng tiền gốc đã trả; không yêu cầu tiền lãi 21.000.000 đồng)*. Nguyên đơn cho rằng kể từ sau lập giấy mượn tiền ngày 23/7/2014 *(âm lịch)* bị đơn bà Á chỉ trả được 9.500.000 đồng và đến năm 2017 thì không trả nữa mặc dù đã đòi nhiều lần. Bị đơn bà Á công nhận có nợ số tiền 142.000.000 đồng là đúng; kể từ sau khi lập giấy mượn tiền ngày 23/7/2014 *(âm lịch)* đã trả rất nhiều lần và đề nghị được trừ số tiền đã trả 69.500.000 đồng còn lại 72.500.000 đồng sẽ trả dần cho đến khi trả hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả tiền gốc 111.500.000 đồng *(không yêu cầu tiền lãi 21.000.000 đồng)*. Xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần nguyên đơn rút. Hậu quả của việc đình chỉ xét xử được quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Thực tế tồn tại sự thật là đến ngày 23/7/2014 *(âm lịch)* bị đơn Á còn nợ tiền vay của nguyên đơn bà Nh là 142.000.000 đồng. Bà Á cho rằng kể từ sau lập giấy vay tiền bà Á đã trả 69.500.000 đồng mỗi lần trả bà đều tự ghi vào sổ theo

dõi và để chứng minh bà Á đã cung cấp cho Tòa sổ tự theo dõi số lần, số tiền trả nợ bà Nh. Ngược lại bà Nh cho rằng chỉ nhận 9.500.000 đồng.

Xét chứng cứ là sổ theo dõi trả nợ do bà Á giao nộp thì thấy có 15 lần trả nợ *(từ ngày 15/10/2013 đến ngày 6/7/2016)* tổng cộng là 69.500.000 đồng nhưng những lần trả nợ này đều không được các bên ký nhận, không được các bên xác nhận và thực tế bà Á khẳng định đây toàn bộ là bút tích của bà, tự bà ghi lại sau những lần trả nợ. Do đó Hội đồng xét xử xác định đây không phải là chứng cứ theo quy định tại Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự nên việc bà Á cho rằng đã trả 69.500.000 đồng là không có căn cứ để chấp nhận. Mặt khác, bà Á cho rằng bà Nh cho vay 12%/tháng nhưng lại không có căn cứ gì để chứng minh.

[3] Nguyên đơn yêu cầu trả đủ một lần số tiền 111.500.000 đồng với lý do đã đòi nợ nhiều lần nhưng bị đơn bà Á không trả. Bị đơn bà Á cũng công nhận đến năm 2017 thì không có khả năng trả và bà Nh có đòi nhiều lần. Xét việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bị đơn bà Á là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự 2005.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèo theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 111.500.000 đồng x 5% = 5.575.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 95, khoản 1 Điều 147, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Nh.

2. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Á có trách nhiệm trả đủ một lần số tiền gốc 111.500.000 đồng phát sinh từ hợp đồng dân sự vay tài sản sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Đình chỉ xét xử một phần nguyên đơn đã rút (*21.000.000 đồng)*. Hậu quả của việc đình chỉ xét xử được quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự

4. Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Á phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.575.000 đồng.Trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.775.000 đồng cho

nguyên đơn bà Trần Thị Nh đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009656 ngày 23/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND H.Sơn Hòa;
- Chi cục THADS huyện Sơn Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Tâm